TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/*2019*/*HNGĐ-ST*
Ngày: 31 - *7* - *2019*
V/v "Tranh chấp ly hôn,
con chung, nghĩa vụ chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Quỹ;

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung và nghĩa vụ chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 142 ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: anh Lê Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 169 phố L Đ, phường H, quận M, TP. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Đức P – Giám đốc Phòng giao dịch huyện Cờ Đỏ.

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016).

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản lấy lời khai, bản tự khai:

Chị Lê Thị B trình bày: Vào năm 2007, do quen biết chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền, đến ngày 05/11/2011 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đỏ, thành phố Cần Thơ. Đến khoảng năm 2015, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không chăm lo làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, mặc dù đã nhiều lần khuyên bảo để hàn gắn tình cảm nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 03 tháng. Do đó, chị B có đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: chị B và anh T có 01 con chung là Lê Thị Cẩm T (nữ), sinh ngày 12/10/2008, chị B đồng ý giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng và không có cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị B và anh T có 01 căn nhà ngang 04 m dài khoảng 12 m trị giá 50.000.000 đồng, cất trên phần đất của cha, mẹ chồng tại ấp H, xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ và 01 chiếc xe biển số 61D1-86417 trị giá 10.000.000 đồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị B và anh T nợ Ngân hàng C 40.000.000 đồng, sau khi nhận tiền anh T dùng 20.000.000 đồng tiêu sài cá nhân, còn 20.000.000 đồng dùng để cất nhà, khi ly hôn thì chị B đồng ý trả cho Ngân hàng 10.000.000 đồng, anh T có trách nhiệm trả 30.000.000 đồng.

Anh Lê Thanh T trình bày: anh T thống nhất với lời trình bày của chị B về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bình thường có cải nhau và mâu thuẫn không gì lớn. Hiện nay, vợ chồng mỗi người một nơi và không còn liên lạc, nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung thì yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, thì vợ chồng đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, nợ Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập và bản tự khai, Ngân hàng C trình bày: Vào ngày 21/3/2017, anh Lê Thanh T và chị Lê Thị B vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Đ, theo chương trình cho vay hộ nghèo với số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay là nuôi heo sinh sản (ngày vay là ngày 21/3/2017, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2022). Nhưng qua lời khai của anh T và chị B tại Tòa án thì số tiền được vay nêu trên không được sử dụng đúng mục đích vay vốn, nên ngân hàng đề nghị anh T và chị B thanh toán toàn bộ số

tiền nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 28/3/2019 nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi 101.260 đồng.

Tại biên bản hòa giải 28/3/2019:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T, thống nhất thuận tình ly hôn; Về con chung: chị B đồng ý giao con chung là Lê Thị Cẩm T (nữ) sinh ngày 12/10/2008 cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: anh T và chị B thống nhất còn nợ 40.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh của Ngân hàng C, chị B đồng ý trả 10.000.000 đồng, anh Tùng đồng ý trả 30.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh, anh T yêu cầu được thanh toán theo sổ vay vốn.

Ngân hàng C yêu cầu anh T và chị B cùng trả số nợ tính đến ngày 28/3/2019 là 40.101.260 đồng (nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi suất 101.260 đồng) cùng tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt nợ.

Do các đương sự chưa có sự thống nhất về phương án trả nợ, nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T, thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Lê Thanh T được quyền nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Cẩm T (nữ) sinh ngày 12/10/2008, anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị B và anh T thống nhất còn nợ Ngân hàng C số tiền 40.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh. Chị B và anh T thống nhất cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ngân hàng C vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy đinh của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dụng vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B với anh T; giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành, anh T tự nguyện yêu không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận; Về tài sản chung: chị B và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C buộc chị B và anh T có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2019 là 40.101.260 đồng (nợ gốc là 40.000.000 đồng, lãi 101.260 đồng), cùng tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T, tiến tới hôn nhân vào năm 2007, nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị B có đơn xin ly hôn với anh T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ngân hàng C có yêu câu độc lập yêu cầu chị B và anh T trả số tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân đây là tranh chấp về nghĩa vụ chung về việc trả nợ. Các tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: đại diện của ngân hàng C có có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng C theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do anh T không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, không chăm lo làm ăn, nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, mặc dù đã nhiều lần khuyên bảo để hàn gắn tình cảm nhưng không được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Chị B và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Điều đó, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh T đã mâu thuẫn sâu sắc, trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được. Các đương sự tự nguyện ly hôn, nên công nhận.

[3] Về con chung: anh Tùng có yêu cầu cầu được nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Cẩm T (nữ) sinh ngày 12/10/2008, chị B đồng ý giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng, Cháu T có ý kiến là hiện đang sinh sống với anh T và mong muốn được sống cùng cha và mẹ vì không muốn cha mẹ ly hôn. Do cháu T cần có sự ổn định về điều kiện ăn, ở và học tập nên xét thấy giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyên nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị B không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ngân hàng C có cho chị B và anh T (anh T là người đại diện hộ để ký vay vốn, chị B là thành viên trong hộ gia đình) vay số tiền 40.000.000 đồng theo diện hộ nghèo với mục đích là nuôi heo sinh sản (ngày vay là ngày 21/3/2017; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2022) theo sổ vay vốn (mã KH: 7079931255) và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/3/2017. Khi được biết chị B và anh T đang tranh chấp ly hôn thì Ngân hàng C có yêu cầu độc lập yêu cầu chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T trả số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2019 là 40.101.260 đồng (nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi 101.260 đồng), với lý do chị B và anh T sử dụng không đúng mục đích vay vốn.

Chị B và anh T thừa nhận có vay của Ngân hàng C số tiền 40.000.000 đồng. Mặc dù, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2022, nhưng chị B và anh T sử dụng không đúng mục đích vay vốn, nên Ngân hàng C có quyền yêu cầu chị B và anh T phải thanh toán số nợ đã vay cùng với lãi suất phát sinh là có cơ sở.

Tại phiên tòa, chị B và anh T chấp nhận cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng C số nợ gốc 40.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh. Do đó, buộc chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2019 là 40.101.000 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 101.000 đồng (tròn số), cùng tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp.

[7] Về án phí:

Chị B và anh T không có đơn xin miễn, giảm án nên không xem xét.

Chị Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; chị B và anh T chịu án phí dân sự sơ thẩm (40.101.000 đồng x 5%) là 2.005.000 đồng (tròn số) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288 Luật dân sự 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B với anh Lê Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị B được ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung: anh T được quyền nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Cẩm T (nữ) sinh ngày 12/10/2008, đến tuổi trưởng thành; anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con và dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị B, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C buộc chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tính đến ngày 28/3/2019 là 40.101.000 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi 101.000 đồng (tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T và chị B còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng (giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/3/2017), đến khi thanh toán dứt nợ.

Về án phí: chị B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 001289 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí; chị B và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.005.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: chị Lê Thị B và anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ngân hàng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc án án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- *Các đương sự,*
- *VKSND huyện Cờ Đỏ,*
- *Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,*
- *UBND xã P, H. Đ, TP.CT.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Phạm Quốc Kiệt